

HÌNH PHẠT TỬ HÌNH VÀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA HÌNH PHẠT TỬ HÌNH VỚI NGUYÊN TẮC NHÂN ĐẠO TRONG LUẬT HÌNH SỰ

Hồ Sỹ Sơn*

I. Đặt vấn đề

Hình phạt tử hình được biết đến từ rất xa xưa. Nhìn từ góc độ lịch sử nhân loại có thể thấy rằng, trước thế kỷ 18, loại hình phạt này được quy định và áp dụng đối với người phạm tội theo một đại lượng ngang bằng mà lúc bấy giờ vốn được hiểu là “ăn miếng, trả miếng”, “răng đền răng, mạng đền mạng”. Hơn thế nữa, hình phạt tử hình còn được áp dụng đối với cả những người thân thích của người phạm tội.

Kể từ đầu thế kỷ thứ 18 trở về sau, khuynh hướng phản đối áp dụng hình phạt tử hình xuất hiện và ngày càng phát triển. Những tên tuổi nổi tiếng trong thời kỳ Khai sáng như Montesquieu (Pháp), Beccaria (Ý), Voltaire (Pháp), Jeremy Bentham (Anh)... ít nhiều đều gắn với quan điểm phủ nhận hình phạt tử hình.

Hiện nay, với lập luận cho rằng, quy định và áp dụng hình phạt tử hình đối với người phạm tội là việc làm không mang tính nhân đạo, nhiều nước trên thế giới đã loại hình phạt tử hình ra khỏi hệ thống hình phạt của nước mình. Ở một thái cực khác, một số quốc gia vẫn duy trì loại hình phạt quá nghiêm khắc này.

Ở Việt Nam, trong thời gian gần đây, nhiều nhà lý luận Luật Hình sự, khi nghiên cứu hình phạt tử hình đã chỉ ra sự cần thiết phải hạn chế và tiến tới xoá bỏ tử hình - loại hình phạt mà họ cho là không có tính nhân đạo. Trong pháp luật hình sự thực định, so với Bộ luật Hình sự năm 1985, Bộ luật Hình sự năm 1999 của nước ta cũng đã giảm từ 44

điều luật quy định 45 cấu thành tội phạm có thể bị áp dụng hình phạt tử hình xuống còn 29 điều luật quy định 30 cấu thành tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình. Diện đối tượng có thể bị áp dụng hình phạt tử hình cũng được Bộ luật Hình sự 1999 thu hẹp theo hướng quy định thêm những điều kiện mà người phạm tội hội đủ mới bị áp dụng loại hình phạt này. Tuy nhiên, cũng như trong khoa học Luật Hình sự nước ngoài, trong khoa học Luật Hình sự nước ta vẫn còn khá nhiều quan điểm mà bằng cách lập luận này hay bằng cách lập luận khác, ủng hộ việc duy trì hình phạt tử hình. Trong khi đó, trong tiến trình dân chủ, tiến bộ chung của nhân loại cũng như trong xu thế hội nhập quốc tế, số lượng tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình cần được giảm nhiều hơn so với hiện nay và diện đối tượng có thể bị áp dụng hình phạt tử hình cũng cần được thu hẹp hơn nữa. Trong Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02 tháng 01 năm 2002, Bộ Chính trị yêu cầu: “các Bộ, ngành có liên quan cần xem xét hai vấn đề lớn là hình thức thi hành án tử hình và hạn chế số lượng hình phạt tử hình trong cơ cấu hình phạt của Bộ luật Hình sự”. Yêu cầu đó được tiếp tục khẳng định trong Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Từ những điều phân tích trên đây, có thể thấy vấn đề hạn chế hình phạt tử hình cần được bàn luận trên nhiều phương diện: từ nhận thức cho đến cách thể hiện trong luật cũng như cách thức thực hiện trong thực tiễn. Đặc biệt, vấn đề hạn chế hình phạt tử hình cần được nghiên cứu trong mối liên hệ với các nguyên tắc của Luật Hình sự, trong đó có

* TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

nguyên tắc nhân đạo. Bởi lý do đó, thông qua việc phân tích một cách khái quát khái niệm nhân đạo, nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự, các xu hướng bãi bỏ, duy trì hình phạt tử hình trên thế giới, bài viết dưới đây làm rõ mối liên hệ giữa hình phạt tử hình với nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự.

II. Hình phạt tử hình và mối liên hệ giữa hình phạt tử hình với nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự

Nghiên cứu hình phạt tử hình và mối liên hệ giữa hình phạt tử hình với nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự, trước hết không thể không đề cập, mặc dù là ở mức độ khái quát nhất, khái niệm nhân đạo và tiếp đó là khái niệm nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự. Ở nghĩa trừu tượng, *nhân đạo được hiểu là sự thừa nhận cá nhân (con người) là một giá trị, khẳng định lợi ích của con người là tiêu chí đánh giá các quan hệ xã hội*. Vấn đề nhân đạo, vì vậy, là vấn đề con người, hơn thế nữa, nó liên quan đến tất cả mọi người. Ở nghĩa cụ thể hơn, *nhân đạo là sự yêu thương, quý trọng con người, là sự đối xử nhân từ, có tình người đối với họ*.

Bởi là vấn đề con người, nhân đạo có chiều rộng của thế gian và chiều sâu của xã hội loài người. Cũng bởi là vấn đề con người, nhân đạo có tính giai cấp và tính lịch sử cụ thể. Đồng thời, nhân đạo là phạm trù ý thức vốn bị quyết định bởi tồn tại xã hội. Nói cách khác, chuẩn mực nhân đạo của một xã hội bao giờ cũng bị quyết định bởi cơ sở kinh tế hạ tầng mà cốt lõi quyết định thuộc về lực lượng sản xuất của xã hội đó. Nhận xét này có ý nghĩa phương pháp luận cho phép lý giải vì sao trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay chẳng hạn, khi đã có nhiều giá trị nhân đạo mang tính toàn cầu bắt buộc chung, vẫn có những giá trị nhân đạo ở các quốc gia còn khác nhau và thậm chí có điểm trái ngược nhau và tại sao có quốc gia đã bãi bỏ hình phạt tử hình, nhưng lại có quốc gia vẫn duy trì nó.

Nhân đạo là một trong những giá trị xã hội. Bởi vậy, nhân đạo có mối liên hệ mật

thiết, đan xen và xâm nhập lẫn nhau với các giá trị xã hội khác như: công bằng, bình đẳng, dân chủ, pháp luật... Cũng bởi vậy, nhân đạo phải là nền tảng cho nội dung của hệ thống pháp luật, "chi phối chẳng những phương pháp điều chỉnh pháp luật, mà còn chi phối cả tính chất của các quan hệ pháp lý cũng như hoạt động của các chủ thể tham gia các quan hệ pháp luật"¹. Với nghĩa đó, nhân đạo trở thành nguyên tắc của hệ thống pháp luật.

Là một bộ phận hợp thành của hệ thống pháp luật, Luật Hình sự không thể không hàm chứa nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong pháp luật. Tuy nhiên, bởi đối tượng điều chỉnh, bởi tính chất của hình phạt và các biện pháp tác động khác của Luật Hình sự và bởi mục đích và nhiệm vụ của Luật Hình sự mà nội dung cơ bản của nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự là sự khoan hồng của Luật Hình sự hay nói chính xác hơn là sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Sự khoan hồng đó thể hiện chủ yếu ở việc Luật Hình sự giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với người phạm tội. Do vậy, *nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự được hiểu là tư tưởng chủ đạo được ghi nhận trong Luật Hình sự mà nội dung cơ bản của nó là sự khoan hồng của Luật Hình sự đối với người phạm tội. Mức độ và phạm vi của sự khoan hồng của Luật Hình sự đối với người phạm tội được quyết định bởi điều kiện xã hội và các nguyên tắc khác của Luật Hình sự*.

Với nội hàm như vậy, nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự hoàn toàn xa lạ với những hình phạt có tính nghiêm khắc cao, đặc biệt là hình phạt tử hình.

Trong tiếng Anh, hình phạt tử hình gọi là "death penalty", nghĩa là hình phạt chết người. Đồng thời, tử hình còn được gọi là "capital punishment", có nghĩa là một hình phạt mà khi áp dụng, người bị áp dụng sẽ bị

¹ Đào Trí Úc, Luật Hình sự Việt Nam, quyển 1, Những vấn đề chung, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr.281.

mất đầu². Trong từ điển Trung Quốc, chữ “tử” được hiểu là chết, còn chữ “hình” là hình phạt tội gồm chữ “tính” (giếng) và chữ “đao” (dao) ghép lại. Như vậy, tử hình có thể được hiểu là hình phạt, người phạm tội bị giết chết bằng cách thả xuống giếng hoặc chém bằng đao³. Trong thời kỳ Trung Cổ, tử hình còn được thi hành bằng cách thiêu sống. Cổ nhiên, hình phạt tử hình không chỉ được thi hành bằng cách thả xuống giếng, chém bằng đao hay thiêu sống, mà còn được thi hành bằng những hình thức khác mà phần lớn trong số đó ngày càng mang tính nhân đạo hơn.

Tính chất đặc biệt của hình phạt tử hình vì vậy thể hiện ở chỗ khi đã được thi hành đối với người phạm tội nào đó thì cũng có nghĩa là người đó đã bị loại vĩnh viễn ra khỏi đời sống xã hội. Do vậy, ngoài những đặc điểm chung vốn có của tất cả các loại hình phạt, hình phạt tử hình còn có những đặc điểm tạo nên tính chất đặc biệt vốn có của nó: có tính nghiêm khắc cao nhất; chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; không có nội dung giáo dục, cải tạo người phạm tội; không thể khắc phục sai lầm một khi đã được thi hành; hoàn toàn không nhân đạo đối với người phạm tội.

Cũng như những loại hình phạt khác, tử hình có vai trò xã hội nhất định. Dù tồn tại ở kiểu Nhà nước nào đi chăng nữa, hình phạt tử hình cũng thực hiện chức năng bảo vệ và duy trì trật tự xã hội mà cái trật tự xã hội có được đó là một trong những điều kiện không thể thiếu của sự phát triển của xã hội. Cổ nhiên, trật tự xã hội được bảo vệ và duy trì bằng tổng thể các phương tiện, biện pháp khác nhau, song vai trò đặc biệt quan trọng thuộc về biện pháp pháp luật trong đó có Luật Hình sự. Nhưng, điều đó không có nghĩa là Luật Hình

sự cần nhiều hình phạt có tính nghiêm khắc cao, đặc biệt là hình phạt tử hình.

Trong những điều kiện xã hội khác nhau, cường độ áp dụng và cách thức áp dụng hình phạt tử hình cũng khác nhau. Phải chăng sự cần thiết quy định và áp dụng nhiều hay ít hình phạt tử hình có thể được lý giải thông qua ý chí của Nhà nước? Điều đó đúng, nhưng không hoàn toàn như vậy. Như chúng ta đã biết, cũng như pháp luật, hình phạt nói chung và hình phạt tử hình nói riêng bị quyết định bởi các quy luật phát triển khách quan của đời sống xã hội mà nội cụ thể hơn là bởi toàn bộ các hệ thống các quan hệ xã hội trong từng hình thái kinh tế - xã hội cụ thể. Đành rằng, các quy luật khách quan cũng như các nhu cầu xã hội ảnh hưởng đến nội dung của pháp luật cũng như nội dung của hình phạt nói chung và của hình phạt tử hình nói riêng thông qua ý thức của nhà làm luật vốn đại diện cho Nhà nước mà Nhà nước bao giờ cũng do giai cấp thống trị trong xã hội lập ra và vì vậy Nhà nước bao giờ cũng bảo vệ lợi ích trước hết và chủ yếu là của giai cấp thống trị đó. Thế nhưng, ý thức của nhà làm luật cũng phải chịu sự ảnh hưởng của các hình thái tư tưởng vốn rất đa dạng như: triết học, đạo đức, ý thức chính trị, truyền thống pháp lý... tồn tại trong từng thời kỳ lịch sử nhất định.

Lịch sử phát triển của xã hội loài người chứng minh rằng, bất kỳ một hệ thống pháp luật nào, bất kỳ một hệ thống hình phạt nào, cổ nhiên là cả hình phạt tử hình, dù ở mức độ nhiều hay ít cũng đều phản ánh các quan hệ giai cấp trong hình thái kinh tế - xã hội tương ứng, phản ánh một hệ thống các giá trị cũng như các lợi ích kinh tế và các lợi ích chính trị của các giai cấp trong xã hội. Đồng thời, hệ thống pháp luật nói chung, Luật Hình sự cũng như hệ thống hình phạt nói riêng phát triển một cách tương ứng cùng với sự phát triển của xã hội. Lịch sử xã hội loài người cũng chứng minh rằng, nếu chúng ta nghiên cứu hình phạt tử hình để nhận thấy rằng, cường độ áp dụng, cách thức áp dụng loại hình phạt này luôn tương hợp với các

² Bryan A. G, Black's Law Dictionary, 7th ed vvest Group: St Paul Minn, 1999.

³ Chu Phát Tăng, Trần Long Đào, Tê Cát Cường (Nguyễn Văn Dương dịch), Từ điển Lịch sử chế độ chính trị Trung Quốc, Nxb. Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2001, Tr.190.

quy tắc tổ chức đời sống xã hội của một thời đại cụ thể, với cơ cấu giai cấp, với các quan điểm chính trị - pháp lý, với nội dung của các quan hệ xã hội ở thời đại mà chúng ta đề cập nghiên cứu.

Như chúng ta đã biết, trong xã hội cộng sản nguyên thủy, đối với những người có hành vi vi phạm quy tắc xử sự chung của thị tộc đều bị áp dụng biện pháp cưỡng chế do thị tộc đặt ra và được toàn thị tộc chấp nhận. Các phương thức phản ứng đầu tiên của xã hội thị tộc đối với người vi phạm được tiến hành theo kiểu “răng đên răng” “mạng đên mạng”, tiếp đó dần dần được hình thành muộn hơn là phương thức “chuộc bằng tiền hoặc hiện vật” có lợi cho người bị gây thiệt hại hoặc cho cả thị tộc, được áp dụng tương đối rộng rãi.

Cùng với sự phát triển của xã hội, chế độ tư hữu ra đời, xuất hiện các quan hệ xã hội đối kháng, Nhà nước ra đời và để quản lý xã hội, Nhà nước ban hành pháp luật, trong đó có Luật Hình sự. Các quy định về tội phạm và hình phạt, trong đó có hình phạt tử hình vì vậy, mang đậm bản chất giai cấp.

Nguyên tắc cơ bản của xã hội chiếm hữu nô lệ, là sự bất bình đẳng giữa con người với con người thuộc các giai cấp và tầng lớp khác nhau và điều đó được phản ánh vào pháp luật, trong đó có Luật Hình sự. Việc ghi nhận và thực hiện nguyên tắc bất bình đẳng về đẳng cấp, việc quan niệm người nô lệ là “công cụ biết nói” dẫn đến thực trạng áp dụng hình phạt tử hình đối với họ một cách vô tội vạ. Và trong rất nhiều trường hợp, hình phạt tử hình được áp dụng đối với cả những người thân của người nô lệ phạm tội. Các quy định của Đạo luật Hammurabi (thế kỷ XVIII TCN) và của Đạo luật Manu (thế kỷ II-I trước công nguyên) là minh chứng hùng hồn cho những nhận xét trên đây.

Sự bất bình đẳng về giai cấp và đẳng cấp cũng là đặc trưng của xã hội phong kiến. Càng ngày, Nhà nước phong kiến càng thực hiện mạnh mẽ chính sách trừng trị nghiêm khắc, càng mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tử hình đối với nông dân vốn bị coi là

tầng lớp hạ đẳng trong xã hội. Lịch sử phát triển xã hội loài người chứng minh rằng, dưới triều vua Carl V, tất cả các tội phạm đều có khung hình phạt cao nhất là tử hình và hình phạt này được thi hành bằng những hình thức vô cùng dã man và tàn bạo⁴. Đặc biệt, các Tòa án giáo hội áp dụng hình phạt tử hình không chỉ đối với những người thực hiện những hành vi bị coi là tội phạm, mà còn áp dụng loại hình phạt này đối với cả những người bị cho là có “quan điểm và ý nghĩ tội lỗi”. Hình phạt tử hình không chỉ được áp dụng đối với bị cáo mà còn được áp dụng đối với vợ chồng, con cái và những người thân thích đời thứ ba của người phạm tội.

Sự phát triển của lịch sử nhân loại được đặc trưng bởi xu hướng nhân đạo hoá các quan hệ xã hội, thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình. Trong thế kỷ thứ XVI, khi khẳng định tính mạng con người là giá trị lớn nhất, nhiều nhà tư tưởng đã lên tiếng chống lại hình phạt tử hình vốn được áp dụng rộng rãi dưới thời trung cổ. Chẳng hạn, Tômát Mo cho rằng, “Chúa trời đã nghiêm cấm việc giết người bất kể đó là ai, còn chúng ta lại khoan khoái giết họ chỉ vì những đồng xu nhỏ bị cướp đi”⁵.

Cùng với sự xuất hiện nhiều thành phố lớn, sự phát triển của ngành thủ công nghiệp, sự hình thành các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xuất hiện ngày càng nhiều những tư tưởng mang tính nhân đạo và chúng ngày càng được phổ biến một cách rộng rãi, dần trở thành xu hướng chính trị-xã hội rõ ràng. Một loạt các nguyên tắc tiến bộ của Luật Hình sự, trong đó có nguyên tắc nhân đạo được thể hiện trong các công trình nghiên cứu nổi tiếng lúc bấy giờ và cho đến tận ngày nay như “Bản về tinh thần của pháp luật”, xuất bản năm 1748 của Shalia Mongtexkio, “Bản về tội phạm và hình phạt” xuất bản năm 1764 của Ch. Beka-ria, “Pháp luật của tự nhiên

⁴ Pháp luật hình sự nước Nga từ thế kỷ thứ X đến thế kỷ XX, Nxb. Pháp lý, M, 1984, tập I, tr. 64, tiếng Nga.

⁵ Tômát More, Tiểu thuyết viễn tưởng, Nxb. Khoa học, M, 1978, tr. 138, tiếng Nga.

hoặc tinh thần hợp chân lý tự nhiên của pháp luật” xuất bản năm 1755 của Mo-relli, “Các nguyên tắc của Luật Hình sự” xuất bản năm 1780 của Be-ma-rd...

Cùng với việc thể hiện ngày càng đầy đủ nội dung các nguyên tắc tiến bộ, đặc biệt là nguyên tắc nhân đạo vào các quy định của Luật Hình sự, xuất hiện xu hướng bãi bỏ hình phạt tử hình. Đặc biệt, kể từ khi Tuyên ngôn Toàn thế giới về quyền con người năm 1946 khẳng định tại Điều 3 rằng “*Con người có quyền được sống*”, nhiều quốc gia tại các khu vực Nam Mỹ, Trung Mỹ, Caribe và Bắc Mỹ, cũng như tại các khu vực Tây Âu, Đông Âu, Liên Xô cũ đã bãi bỏ hình phạt tử hình.

Trung Mỹ, Nam Mỹ, Caribe và Bắc Mỹ là những khu vực có nhiều quốc gia bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình. Trong số các quốc gia như vậy, có Bolivia, Colombia, Costa-Rica, Equado, Hondurat, Nicaragua, Panama, Paragoa, Brazil... Đầu những năm 60 của thế kỷ XX, các bang ở Mỹ đã không thi hành án tử hình, nhưng trong một vài năm gần đây nhiều bang lại tái áp dụng như Carôlin (năm 1984), Aridôna, Washington (năm 1990) v.v. Bằng Đạo luật “Kiểm soát tội phạm nguy hiểm”, nước Mỹ cho phép áp dụng hình phạt tử hình đối với một số tội, trong đó có tội ám sát Tổng thống, tội giết công chức để cản trở hoạt động điều tra, truy tố... Cần lưu ý rằng, tình trạng tái áp dụng hình phạt tử hình không chỉ diễn ra tại Hoa Kỳ và các bang cấu thành của nó, mà còn diễn ra tại một số quốc gia khác tại các khu vực Nam Mỹ, Trung Mỹ, Caribe và Bắc Mỹ, chẳng hạn như: Becmuda (năm 1977), Grênađa (năm 1978), Giamaica (năm 1979)... Cũng cần lưu ý rằng, một số quốc gia mà hầu hết là tại khu vực Caribe và Bắc Mỹ lại có xu hướng duy trì, thậm chí còn mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tử hình.

Từ những số liệu thống kê trên đây về thực trạng của hình phạt tử hình tại các khu vực Nam Mỹ, Trung Mỹ, Caribe và Bắc Mỹ, có thể thấy hầu hết các quốc gia trong khu vực Nam Mỹ và Trung Mỹ có xu hướng bãi bỏ hình phạt tử hình, còn hầu hết các quốc gia

trong khu vực Caribe và Bắc Mỹ thì ngược lại, có xu hướng duy trì, thậm chí mở rộng phạm vi áp dụng loại hình phạt này. Vậy thì đâu là cơ sở của những quan điểm khác nhau đó? Thiết nghĩ, cái cơ sở đó nằm trong sự khác nhau về điều kiện kinh tế, xã hội và điều kiện lịch sử cụ thể của từng quốc gia.

Tại các khu vực Tây Âu, Đông Âu và Liên Xô cũ, bức tranh về hình phạt tử hình cho thấy, ngoại trừ Secbia và Môngtênêgrô, các quốc gia còn lại hoặc đã bãi bỏ, hoặc hạn chế dần việc áp dụng hình phạt tử hình. Cụ thể là, từ năm 1965 đến năm 1995, đã có ít nhất là 18 nước Tây Âu gồm: Áo, Đan Mạch, Phần Lan, Pháp, Đức, Ai Len, Aixolen, Italia, Lichtenxtain, Lucxambua, Manta, Hà Lan, Na Uy, Bồ Đào Nha, Xanmariô, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ phê chuẩn Nghị định thư thứ VI Hiệp định chung châu Âu về quyền con người nhằm ủng hộ xu hướng loại bỏ hình phạt tử hình. Hiện nay, nhiều quốc gia, trong số đó có Pháp, Đức, Italia... đã bãi bỏ hình phạt tử hình. Tuy nhiên, vẫn còn hai quốc gia ở Tây Âu là Bỉ và Thổ Nhĩ Kỳ vẫn quy định hình phạt tử hình trong luật, nhưng không áp dụng loại hình phạt này trong thực tiễn. Điều này cho thấy, những nước Tây Âu đang duy trì hình phạt tử hình đều có xu hướng muốn bãi bỏ loại hình phạt này. Trả lời vấn đề trên có thể tìm thấy trong các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất - đó là Hiến pháp hoặc trong các văn bản mang tính chính trị - pháp lý khác. Chẳng hạn, Hy Lạp bãi bỏ hình phạt tử hình là vì “*Nhận thấy rằng cuộc sống của con người là quan trọng nhất*”⁶. Theo Hiến pháp Tây Ban Nha thì “*Hình phạt tử hình không thể tồn tại trong xã hội văn minh vì nó phủ nhận chân giá trị của con người*”. Trong Báo cáo gửi Ủy ban Điều tra lần thứ V của Liên hợp quốc, Thụy Sĩ đã nhấn mạnh “*Hình phạt tử hình là sự xâm phạm thô bạo và trắng trợn quyền sống và phẩm giá con người*”... Rõ ràng, các quốc gia Tây Âu đều có quan điểm khá thống nhất

⁶ Hiến pháp Hy Lạp.

về hình phạt tử hình. Quan điểm đó thấm đượm tính nhân đạo, coi con người, đặc biệt là tính mạng của họ là giá trị cao nhất, không thể bị tước đoạt kể cả trong trường hợp họ phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, gây hậu quả đặc biệt lớn cho xã hội. Nền tảng của quan điểm mang tính nhân đạo đó là cơ sở kinh tế hạ tầng mà cốt lõi quyết định thuộc về lực lượng sản xuất của các quốc gia Tây Âu.

Ở Đông Âu, từ năm 1979, cả hai nước Rumani và Hungari đều bắt đầu bãi bỏ hình phạt tử hình đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tiếp đó là các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Riêng Hungari từ tháng 10 năm 1990 đã bãi bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình. Từ năm 1987, Xiôlovakia bắt đầu thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình và bãi bỏ hoàn toàn loại hình phạt này trong năm 1990. Tại lãnh thổ của Liên bang Nam Tư trước đây, ngoại trừ Secbia và Môngtênêgrô còn quy định hình phạt tử hình, các quốc gia khác mới độc lập như: Xiôvênia, Croattia, Mackêdonia đều đã bãi bỏ hình phạt tử hình.

Trước đây, Liên bang Xô Viết cũng đã ba lần bãi bỏ hình phạt tử hình vào các năm 1917, 1920 và 1947. Tuy nhiên, do điều kiện hoàn cảnh lịch sử của đất nước mà sau mỗi lần bãi bỏ hình phạt tử hình, Liên bang Xô Viết lại tái áp dụng loại hình phạt này. Cũng cần phải thấy rằng, từ năm 1980 đến năm 1991 Liên bang Xô Viết đã thu hẹp dần phạm vi áp dụng hình phạt tử hình từ 15 tội xuống còn 5 tội, đồng thời đã bãi bỏ loại hình phạt này đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội hiếp dâm người đã thành niên và những tội do phụ nữ thực hiện. Hiện nay, Liên bang Nga chưa bãi bỏ hình phạt tử hình, song chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Trong số 14 quốc gia tách ra khỏi Liên bang Xô Viết, Môngđavia là quốc gia bãi bỏ hình phạt tử hình sớm nhất (vào năm 1995). Cho đến nay, Grudia và Kiecghidixtan đã bãi bỏ hình phạt tử hình đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và đối với nhiều tội phạm khác. Ácmênia hiện đang duy trì

hình phạt tử hình đối với tội đưa hối lộ và tội lưu hành tiền giả, nhưng đã thông báo rằng sẽ sớm tiến hành trưng cầu dân ý về bãi bỏ loại hình phạt quá nghiêm khắc này. Những quốc gia có truyền thống đạo Hồi như: Aderbaizan, Cadácxtan, Tátgikixtan, Tuốcmênixtan, Uzobêkixtan đã thu hẹp đáng kể phạm vi áp dụng hình phạt tử hình.

Như vậy, cũng như ở Tây Âu, đa số các quốc gia ở Đông Âu và Liên Xô cũ đều ủng hộ việc bãi bỏ hình phạt tử hình vì các quốc gia này đều coi tử hình là hình phạt không phù hợp với tiêu chuẩn đạo đức của một Nhà nước dân chủ. Quan điểm đó của các nước ở Đông Âu và Liên Xô cũ cũng mang tính nhân đạo sâu sắc.

Châu Á và châu Phi là những châu lục có nhiều quốc gia nhất duy trì hình phạt tử hình. Tuy nhiên, xu hướng bãi bỏ hình phạt tử hình cũng đã xuất hiện tại những châu lục này. Nhiều quốc gia mặc dù đang duy trì hình phạt tử hình, song đã, đang và chắc chắn sẽ tiếp tục thu hẹp phạm vi áp dụng loại hình phạt này. Đơn cử Trung Quốc và Việt Nam làm thí dụ. Chẳng hạn, Toà án nhân dân tối cao Trung Quốc vừa ban hành một văn bản về cải tiến các phiên toà hình sự, quy định các Thẩm phán hạn chế trong việc tuyên án tử hình. Theo văn bản này, mức án tử hình chỉ nên tuyên cho “một số lượng nhỏ những tội phạm nguy hiểm” hay “những tội phạm liên quan đến tình cảm (do mâu thuẫn gia đình hoặc hàng xóm), án mạng trong các vụ mâu thuẫn xảy ra do lỗi của nạn nhân và gia đình của nạn nhân đã chấp nhận bồi thường về tài chính thì không nên áp dụng tử hình”⁷. Ở Việt Nam, để đảm bảo an ninh cho xã hội, Bộ Luật Hình sự hiện hành vẫn quy định hình phạt tử hình. Song, thực hiện “chính sách của Đảng và Nhà nước ta là xử phạt người phạm tội không chỉ nhằm trừng trị mà còn nhằm giáo dục cải tạo họ trở thành người có ích cho xã hội; thể hiện tinh thần nhân đạo xã hội chủ nghĩa và lòng tin vào khả năng cải tạo con người dưới chế độ

⁷ Báo Pháp luật, số ra ngày 17 tháng 9 năm 2008.

xã hội chủ nghĩa” đã được ghi nhận trong Lời nói đầu Bộ Luật Hình sự năm 1985 và quán triệt quan điểm “Sửa đổi Bộ Luật Hình sự phải thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa... đề cao tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa...”⁸, Bộ Luật Hình sự năm 1999, như đã nhấn mạnh, đã giảm từ 44 điều luật trong Bộ Luật Hình sự năm 1985 quy định 45 cấu thành tội phạm có mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình xuống còn 29 điều luật quy định 30 cấu thành tội phạm mà người phạm tội có thể bị áp dụng hình phạt tử hình. Đồng thời, Bộ Luật Hình sự quy định tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng... Hiện nay, trong số 30 tội phạm có hình phạt tử hình, thì có 7 tội thuộc Chương các tội xâm phạm an ninh quốc gia; 3 tội ở Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm; 2 tội nằm trong Chương các tội xâm phạm sở hữu; 3 tội là của Chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; 3 tội thuộc Chương các tội phạm về ma tuý; Chương các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng có 2 tội có hình phạt tử hình; con số tội phạm có hình phạt tử hình của Chương các tội phạm về chức vụ là 3; của Chương các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quân nhân là 3 và số tội còn lại có hình phạt tử hình là của Chương các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, tỷ lệ hình phạt tử hình trong cơ cấu chế tài trong Phần các tội phạm Bộ Luật Hình sự Việt Nam là khá cao, chiếm 11,30% trên tổng số tội phạm. Thực tiễn áp dụng Bộ Luật Hình sự năm 1999 ở Việt Nam trong gần 10 năm qua cũng cho thấy, so với các quốc gia còn duy trì hình phạt tử hình, việc áp dụng loại hình phạt này ở Việt Nam là tương đối thường xuyên, thường đứng trong số 5 - 6 quốc gia có số lượng người bị kết án tử hình và đã bị thi hành án tử hình cao nhất trên thế giới. Hiện nay, trong quá trình chuẩn bị sửa đổi Bộ Luật Hình sự, nhiều vấn đề liên quan

đến việc hạn chế quy định hình phạt tử hình đang được Ban soạn thảo quan tâm, cân nhắc giải quyết theo hướng giảm đến mức tối đa loại hình phạt này. Chế tài hình phạt tử hình đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm sở hữu, xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, các tội phạm về chức vụ... vì vậy, đang được cân nhắc để loại bỏ. Việc làm đó của Ban soạn thảo, rõ ràng dựa trên sự cân nhắc về mối liên hệ giữa hình phạt tử hình với nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự.

Từ những điều trình bày trên đây, có thể rút ra một số kết luận về hình phạt tử hình và về mối liên hệ giữa hình phạt tử hình với nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự như sau:

Thứ nhất, tử hình là hình phạt trái với nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự, vì vậy, quan điểm bãi bỏ hình phạt tử hình vốn xuất hiện ở châu Âu vào các thế kỷ XVII và XVIII, ngày càng mang tính phổ quát, trở thành xu hướng và chuẩn mực nhân đạo mang tính toàn cầu bắt buộc chung.

Thứ hai, vì hình phạt tử hình, như đã nhấn mạnh, là trái với nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự, nên việc bãi bỏ loại hình phạt này là phù hợp với nhân đạo nói chung, với nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự nói riêng, hay nói cách khác là đưa nhân đạo và nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự vào cuộc sống.

Thứ ba, do sự khác nhau về những điều kiện lịch sử cụ thể của từng quốc gia, hay nói chính xác hơn là có sự khác nhau về cơ sở kinh tế hạ tầng mà cốt lõi quyết định là lực lượng sản xuất của mỗi quốc gia mà có quốc gia đã bãi bỏ hoàn toàn, có quốc gia vẫn duy trì (mặc dù có xu hướng bỏ), song cũng có quốc gia đã bãi bỏ lại tái áp dụng hình phạt tử hình. Như chúng ta đã biết, trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, nhiều giá trị nhân đạo đã mang tính toàn cầu bắt buộc chung. Điều này, như đã nhấn mạnh, được thể hiện trong các điều ước quốc tế phổ biến về nhân quyền. Những giá trị nhân đạo

⁸ Bộ luật Hình sự mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb.TP. Hồ Chí Minh, 2000, tr.12.

phần là gây tổn kém cho xã hội cả về thời gian và tiền bạc²². Đây có lẽ là một bài học hữu ích cho Việt Nam trong tiến trình cải tổ hệ thống các cơ sở đào tạo luật sau này.

Trước xu hướng đổi mới đào tạo luật nói chung của các nước trên thế giới và trước kinh nghiệm của Nhật Bản, về lâu dài, một vấn đề mà Việt Nam cũng nên cân nhắc là liệu có nên tiếp tục duy trì hệ thống cơ sở đào tạo luật hiện hữu; hay nên thống nhất trao chức năng đào tạo luật cho một loại cơ sở đào tạo - các trường luật sau đại học kiểu Mỹ - chỉ tuyển sinh những người đã có bằng cử nhân?

Để giải quyết một cách thấu đáo câu hỏi này, cần rà soát lại toàn bộ chức năng của các trường đại học luật và các cơ sở dạy nghề luật

(gọi chung là các cơ sở đào tạo luật); đồng thời cần xem xét một cách nghiêm túc chất lượng sản phẩm của các cơ sở đào tạo luật trong thời gian qua, đặc biệt từ khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường. Việc làm này sẽ giúp nhà nghiên cứu xác định mức độ đáp ứng yêu cầu xã hội của các sản phẩm đào tạo. Đây là vấn đề lớn, cần có thời gian để nghiên cứu, khảo sát và thu thập thêm các số liệu và thông tin có liên quan từ phía chủ sử dụng lao động trên diện rộng. Tuy nhiên, bài viết này vẫn muốn nêu lên vấn đề trên để kêu gọi các nhà quản lý đào tạo luật, các nhà giáo, các nhà khoa học luật và cả giới hành nghề luật cùng chung sức suy ngẫm để tìm ra lời giải đáp thỏa đáng.

²² Xem Luke Nottage (Sdd), at 8-10 & 15.

(Tiếp theo trang 62 – Hình phạt tử hình và ...)

đó đã tác động sâu sắc tới pháp luật quốc gia, đặc biệt các quốc gia có chuẩn mực nhân đạo thấp hơn chuẩn mực chung. Tuy nhiên, hiện nay vẫn có những giá trị nhân đạo ở các quốc gia còn khác nhau và thậm chí có điểm trái ngược nhau. Rõ ràng, việc bãi bỏ, duy trì hay tái áp dụng hình phạt tử hình chỉ có thể giải thích được khi chúng ta thấy được rằng cơ sở kinh tế hạ tầng mà cốt lõi quyết định là lực lượng sản xuất của các quốc gia còn rất chênh lệch. Đó chính là cơ sở để chúng ta có thể hiểu được tại sao có quốc gia đã xoá bỏ hoàn toàn hình phạt tử hình, có quốc gia vẫn duy trì và có quốc gia lại tái áp dụng nó.

Thứ tư, bởi tính không nhân đạo đối với người phạm tội của hình phạt tử hình, mà các quốc gia đang duy trì hay tái áp dụng loại hình phạt này đều có xu hướng giảm số lượng những tội phạm có hình phạt tử hình, có quy định nhưng rất ít áp dụng bằng cách quy định thêm những điều kiện thuộc về

nhân thân người phạm tội, thuộc về hành vi phạm tội... thông qua đó nhằm giảm đến mức tối đa mức độ áp dụng loại hình phạt nghiêm khắc này.

Như vậy, hình phạt tử hình và nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự là hai hiện tượng xã hội thuộc thượng tầng kiến trúc, tức là những hiện tượng cùng dây, vì vậy có ảnh hưởng lẫn nhau. Bởi là hai hiện tượng xã hội cùng dây nhưng khác nhau về bản chất nên việc bãi bỏ hình phạt tử hình, không còn nghi ngờ gì nữa, là xu thế không thể đảo ngược bởi việc làm đó hoàn toàn phù hợp với nhân đạo nói chung và nguyên tắc nhân đạo trong Luật Hình sự nói riêng, bởi xã hội loài người đã, đang và sẽ phát triển theo xu hướng nhân đạo hoá các quan hệ xã hội, bởi mọi quốc gia đều mong muốn và hoàn toàn có thể làm được một khi tất cả mọi quốc gia trên thế giới đều mạnh về cơ sở kinh tế hạ tầng do lực lượng sản xuất lớn mạnh của từng quốc gia quyết định.